

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GẮN VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được những thời cơ và thách thức của giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi trong thời kì hội nhập và phát triển;
- Trình bày được chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi gắn với mục tiêu phát triển bền vững.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc ra sức học tập để lập thân, lập nghiệp góp phần xây dựng quê hương.



MỞ ĐẦU

Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi xác định: “... Con người là trung tâm của phát triển bền vững. Đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần cho nhân dân, tạo việc làm, giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống...; tạo điều kiện thuận lợi để mỗi người dân và cộng đồng trong xã hội có cơ hội phát triển bình đẳng; được tiếp cận các nguồn lực chung, được chia sẻ, đóng góp và hưởng lợi từ những thành quả đạt được của xã hội. Không để ai bị bỏ lại phía sau...”

*(Trích Quyết định số 312/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2018
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Thực hiện chủ trương “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế...”, tỉnh Quảng Ngãi triển khai công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, xác định giáo dục và đào tạo là động lực then chốt gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài trên địa bàn tỉnh.



Em hãy chia sẻ ý kiến của mình về vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ngãi.



1. Đổi mới giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi gắn với mục tiêu phát triển bền vững

a. Thời cơ và thách thức đối với giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Trong giai đoạn hiện nay, cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng 4.0 đang phát triển mạnh mẽ, làm nền tảng cho sự phát triển tri thức. Tốc độ đổi mới và khả năng ứng dụng tri thức quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Chính vì vậy, khoa học công nghệ trở thành động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển của khoa học công nghệ làm thay đổi mạnh mẽ nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục trong các nhà trường, đồng thời đòi hỏi giáo dục phải cung cấp được nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng như cầu phát triển của xã hội.

Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra trên quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để giáo dục Việt Nam nói chung, giáo dục Quảng Ngãi nói riêng tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục và quản lý giáo dục hiện đại và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát triển giáo dục. Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đặc biệt quan tâm, chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo nhằm đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục, tận dụng cơ hội phát triển đất nước trong giai đoạn "cơ cấu dân số vàng" và hội nhập quốc tế mạnh mẽ.

Trong bối cảnh chung đó, tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.

Các cấp chính quyền luôn quan tâm, chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học được triển khai hiệu quả trên địa bàn tỉnh; công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được chú trọng và triển khai lồng ghép gắn với các tiêu chí nông thôn mới; giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo tiếp tục được quan tâm đầu tư;

Phương thức giáo dục và đào tạo ngày càng được mở rộng, góp phần nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh; chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo hoạch định và xây dựng chính sách công, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

Công tác truyền thông về giáo dục và chuyển đổi số trong giáo dục được chú trọng triển khai thực hiện, việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá đã mang lại nhiều kết quả tích cực.

Cơ hội tiếp cận giáo dục và đào tạo có nhiều tiến bộ, nhất là đối với học sinh nghèo, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật,... Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý...đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành trong giai đoạn hội nhập và phát triển.

Em có biết?

Theo quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra Quảng Ngãi phấn đấu là tỉnh phát triển khá của cả nước, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước. Nâng cao tính tự chủ và khả năng thích ứng với những biến động của nền kinh tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đến năm 2030 đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 – 40%. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với trọng tâm là đội ngũ cán bộ khoa học. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế.

Bên cạnh những thời cơ thuận lợi, trong những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, trong khi nguồn lực của tỉnh trong việc đầu tư cho giáo dục còn thấp so với nhu cầu; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học còn thiếu, chưa đồng bộ; công tác quy hoạch mạng lưới trường, lớp học chưa sát với thực tiễn; sự quan tâm cho giáo dục và đào tạo giữa các địa phương không đồng đều; về ứng dụng khoa học công nghệ của cán bộ quản lý, giáo viên chưa bắt kịp yêu cầu đổi mới; việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học chưa mạnh mẽ, chưa tạo được những chuyển biến quan trọng có tác dụng đến nâng cao chất lượng dạy học; chất lượng giáo dục đại trà chưa thực sự ổn định, bền vững; việc thực hiện phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn bất cập, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa thực sự gắn với thị trường lao động, chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế mới, công nghệ cao; trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; tỉ lệ học sau đại học, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ còn thấp...



Em hãy làm rõ những thời cơ và thách thức đối với giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

b. Phương hướng, nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo gắn với mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Quảng Ngãi

– Tiếp tục thực hiện chủ trương chung của Đảng, Nhà nước: “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”. Tỉnh Quảng Ngãi luôn xác định đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển và được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Em có biết?

Theo Kế hoạch hành động thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi xác định mục tiêu cho ngành giáo dục và đào tạo là: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người. Cụ thể: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiểu học; hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng; đảm bảo tiếp cận công bằng đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có chất lượng,...

- Trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX xác định: Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học; từ chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

+ Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục ở các bậc học.

+ Thực hiện hiệu quả phân luồng sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông.

+ Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng và các trường cao đẳng của tỉnh.

+ Chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Khắc phục triệt để tình trạng học sinh bỏ học, nhất là ở miền núi.

+ Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đào tạo, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng.

+ Chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, khuyến khích tinh thần tự học tập, tự đào tạo, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

+ Đổi mới và nâng cao chất lượng các trường đào tạo nghề theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Em có biết?

Đến năm 2025, có ít nhất 50% trường mầm non, 88% trường tiểu học, 88% trường trung học cơ sở, 32% trường tiểu học - trung học cơ sở, 71% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,8%; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 37%; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 65%.



Hình 3.1. Đào tạo nguồn nhân lực tại Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất



Trình bày phương hướng, nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo gắn với sự phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những kết quả đạt được của giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Em có biết?

Trường THPT chuyên Lê Khiết tỉnh Quảng Ngãi có bề dày thành tích và là trường chuyên duy nhất của tỉnh Quảng Ngãi thực hiện vai trò chức năng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2000), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2005) và Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2015. Tính đến thời điểm Học kì 1, năm học 2023 – 2024, trường đã đào tạo trên 9500 học sinh tốt nghiệp THPT, có 511 học sinh giỏi quốc gia, 622 giải và huy chương các loại trong kì thi Olympic 30/4 dành cho học sinh chuyên khối 10,11.



Hệ thống trường lớp được xây dựng ngày càng khang trang hiện đại, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học được đầu tư, đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân và yêu cầu đổi mới dạy học của ngành giáo dục, đào tạo. Cụ thể: Đến cuối năm học 2022 – 2023, toàn tỉnh có 207 trường mầm non; 01 trường mầm non và tiểu học; 151 trường tiểu học (trong đó có 01 trường tư thục); 130 trường trung học cơ sở; 52 trường tiểu học và trung học cơ sở; 03 trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; 36 trường trung học phổ thông (trong đó có 02 trường tư thục); 01 trường liên cấp. Ngoài ra, còn có các trung tâm giáo dục: 02 trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật ngoài công lập; 02 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập (trong đó có 01 trung tâm ngoài công lập), 01 trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, 04 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện, thị xã tiếp tục duy trì hoạt động.

Công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục thực hiện đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và ngày càng chuẩn hoá về trình độ đào tạo, đáp ứng được yêu cầu dạy và học trong tình hình mới. Hằng năm, việc đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng và bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lí, giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện đúng quy định. Năm 2023, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn 83,2%, trong đó mầm non 98,5%, tiểu học 62,8%, THCS 91,7% và THPT 100%.

Công tác phổ cập giáo dục được duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, nâng cao chất lượng và mức độ phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, và nâng cao chất lượng xoá mù chữ và giảm tỉ lệ tái mù chữ ở người lớn. Đến năm 2023, toàn tỉnh có 13/13 huyện, thị xã, thành phố với 173/173 đơn vị cấp xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 02/13 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, 11/13 huyện, thị xã, thành phố đạt mức độ 3, tỉnh đạt mức phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; 01/13 huyện, thị xã, thành phố đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1; 10/13 huyện, thị xã, thành phố đạt mức độ 2; 02/13 huyện đạt mức độ 3; tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1.

Tỉ lệ học sinh khá, giỏi và đạt hạnh kiểm tốt năm sau cao hơn năm trước; tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT hằng năm ổn định và đạt nhiều khởi sắc; tỉ lệ học sinh thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng đứng vị thứ cao trong cả nước, đạt 79,39%; kì thi học sinh giỏi quốc gia luôn có học sinh xếp thứ hạng cao,...



Hình 3.2. Biểu đồ tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT hàng năm của tỉnh Quảng Ngãi

Công tác đào tạo đại học, sau đại học và giáo dục nghề nghiệp, hướng nghiệp, phân luồng học sinh có nhiều chuyển biến tích cực, thông qua hệ thống các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các cơ sở nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh như: Trường Đại học Phạm Văn Đồng trực thuộc UBND tỉnh, Trường Đại học Tài chính – Kế toán trực thuộc Bộ Tài chính, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh – Phân hiệu Quảng Ngãi, trực thuộc Bộ Công Thương,...

Các cơ sở giáo dục đã thực hiện đảm bảo công tác đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo nghề cho học sinh trong tỉnh và một số du học sinh nước ngoài đến học, đảm bảo tiếp cận công bằng đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có chất lượng. Trong giai đoạn 2016 – 2020, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh 51.986 học sinh, sinh viên; trong đó, trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp là 14.392 người. Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp đạt khoảng 85% và cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.



Hình 3.3. Sinh viên Trường Đại học Tài chính – Kế toán trong Lễ tốt nghiệp



Hình 3.4. Sinh viên Trường Đại học Phạm Văn Đồng tham gia hoạt động kỷ niệm 110 năm ngày sinh cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng



– Trình bày một số kết quả đạt được của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

3. Những giải pháp trong đổi mới giáo dục và đào tạo gắn với mục tiêu phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi

Nhằm phát triển toàn diện con người Quảng Ngãi có đạo đức, tri thức, văn hoá, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc,...; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để đáp ứng yêu cầu của địa phương trong thời gian đến, ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi thực hiện những giải pháp sau:

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục theo mục tiêu của Nghị quyết số 29. Trong đó, đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục pháp luật, tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân; giáo dục thể chất và hướng nghiệp cho học sinh; kết hợp hài hoà dạy chữ, dạy người và dạy nghề; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện và hiện đại.



Hình 3.5. Quang cảnh Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

- Đảm bảo cơ sở vật chất cho các trường học ở các huyện miền núi có học sinh dân tộc thiểu số; hoàn thiện việc nâng cấp theo hướng chuẩn hoá đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú; phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú; tập trung xây dựng nhà bán trú cho học sinh trung học phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số.

- Phát triển hài hoà, hỗ trợ giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng, miền. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục và phương thức học tập để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn gắn với thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo.

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đổi mới công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Tiến hành phân luồng sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Tiếp tục thực hiện giáo dục nghề nghiệp sau trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, khuyến khích xã hội hoá trong giáo dục; chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lí, dạy và học ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập quốc gia, kho học liệu số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn ngành, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.



Hình 3.6. Phát động phong trào chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo Quảng Ngãi



LUYỆN TẬP

1. Tại sao tỉnh Quảng Ngãi muốn phát triển bền vững cần phải đổi mới giáo dục và đào tạo?
2. Khai thác hình 3.2 và thông tin trong mục 2, hãy nhận xét về tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT của tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2014 – 2023.



VẬN DỤNG

1. Hãy viết 1 đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của mình về chủ trương đổi mới của ngành giáo dục và đào tạo Quảng Ngãi gắn với mục tiêu phát triển bền vững.
2. Sưu tầm một số tấm gương vượt khó, học giỏi và thành công trong cuộc sống mà em biết.

CHỦ ĐỀ 2

TÀI NGUYÊN VĂN HOÁ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày khái quát được sự đa dạng của tài nguyên văn hoá ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Nêu được vai trò của tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi trong thời kì hội nhập và phát triển.
- Đề xuất được một số giải pháp để phát triển kinh tế – xã hội trên cơ sở nguồn tài nguyên văn hoá ở Quảng Ngãi.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc phát huy tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú cùng điều kiện tự nhiên ưu đãi. Chính những yếu tố thuận lợi đó đã góp phần tạo nên nguồn tài nguyên văn hoá đa dạng. Đây là nguồn lực, là cơ sở quan trọng để góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi trong thời kì hội nhập và phát triển.



Hình 2.1. Núi Ấn – Sông Trà,
(thành phố Quảng Ngãi)



Hình 2.2. Lễ Khao Lễ thể lính Hoàng Sa
(huyện Lý Sơn)



Kể tên một số di sản văn hóa vật thể, di sản văn hoá phi vật thể hoặc di sản thiên nhiên tiêu biểu ở tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.

1. Khái quát về tài nguyên văn hoá ở tỉnh Quảng Ngãi

Tài nguyên văn hoá ở tỉnh Quảng Ngãi rất phong phú, đa dạng, bao gồm hệ thống các di tích lịch sử – văn hoá, di tích lịch sử cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội cổ truyền, tín ngưỡng, nghề thủ công truyền thống, danh lam thắng cảnh,...

Văn hoá Sa Huỳnh là một trong những di tích lịch sử – văn hoá lâu đời của Quảng Ngãi được thế giới biết đến hàng trăm năm qua.

Di sản văn hoá Chămpa với đền tháp, thành quách, dấu vết văn hoá cổ xưa như thành cổ Châu Sa, Gò Vàng.

Di sản văn hoá đình chùa, đền miếu, lăng thờ cá Ông,... cùng nhiều di tích lịch sử cách mạng như: di tích khởi nghĩa Ba Tơ, khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chiến thắng Ba Gia, chiến thắng Vạn Tường, khu chứng tích Sơn Mỹ,...

Ở vùng biển, nhiều loại hình lễ hội cổ truyền được lưu giữ đến ngày nay như: Lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa (huyện Lý Sơn), Lễ tế cá Ông và hát múa bả trạo ở xã Bình Chánh (huyện Bình Sơn), Lễ cầu ngư hát sắc bùa, Lễ hội ra quân đánh bắt hải sản ở Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ), Lễ hội đua thuyền ở huyện Lý Sơn, xã Tịnh Long (thành phố Quảng Ngãi), xã Bình Châu (huyện Bình Sơn),... Ở các huyện miền núi có nhiều lễ hội lớn, mang đậm bản sắc văn hoá và tín ngưỡng của đồng bào Co, Ca Dong, Hrê,... như: Lễ hội điện Trường Bà (huyện Trà Bồng), Lễ hội ăn trâu, Tết ngã rạ, Lễ mừng lúa mới ở các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây,...

Các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian rất phong phú như: hò, lí, hát sắc bùa, hát bả trạo, hát ống, hát lô tô,... Tiêu biểu như di sản Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ Việt Nam đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Nghệ thuật Bài chòi không chỉ có sức hấp dẫn đối với nhiều du khách trong nước và thế giới mà còn có tác dụng truyền lửa đến lớp trẻ hiện nay.



Hình 2.3. Chiếc khuyên tai – một trong những hiện vật đặc trưng của văn hoá Sa Huỳnh



Hình 2.4. Một trong những nghi thức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa tại Lý Sơn



Hình 2.5. Biểu diễn “Nghệ thuật Bài Chòi” của các nghệ nhân ở Quảng Ngãi

Nhiều nghề và làng nghề thủ công truyền thống độc đáo của Quảng Ngãi đang được các thế hệ bảo tồn và phát huy. Nổi bật với nghề dệt thổ cẩm ở Làng Teng (xã Ba Thành, huyện Ba Tơ); nghề và làng nghề sản xuất chổi đót (xã Phổ Phong và xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ và xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành); làng gốm Mỹ Thiện (thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn), làng nghề làm gốm (xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ); làng nghề sản xuất mây đan mĩ nghệ (phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ); làng nghề chế biến nước mắm (xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức); nghề sản xuất tre đan, dừa tre (xã Tịnh Ấn Tây, thành phố Quảng Ngãi); nghề sản xuất kẹo, đường phèn, đường phối (thành phố Quảng Ngãi),...

Sự đa dạng của tài nguyên văn hoá Quảng Ngãi còn được thể hiện qua nhiều danh lam thắng cảnh như: Thiên Ấn niêm hà, Thiên Bút phê vân, Thạch Bích tà dương, Cổ Lũy cô thôn, Suối Chí, Thác Trắng, núi Cà Đam,... Với chiều dài bờ biển khoảng 130 km và một huyện đảo, Quảng Ngãi có nhiều cửa biển và bãi tắm đẹp như: Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á, Sa Huỳnh, vũng nước sâu Dung Quất, Khe Hai, Mỹ Khê, Đức Minh, Châu Me,... Những nơi này di sản văn hoá biển, đảo vô cùng đa dạng, tạo ra tiềm năng để phát triển kinh tế biển. Riêng tại huyện Lý Sơn, với diện tích chưa đầy 10 km² nhưng có đến 50 di tích lịch sử – văn hoá độc đáo, thắng cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp.



Hình 2.6. Người dân Quảng Ngãi làm muối ở Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ)



Sự đa dạng của tài nguyên văn hoá ở tỉnh Quảng Ngãi được thể hiện như thế nào?

2. Vai trò của tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi

a) Tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển các ngành kinh tế – xã hội ở Quảng Ngãi

Em có biết?

Tích cực thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các khu, điểm du lịch quy mô lớn, hiện đại. Tạo điều kiện thuận lợi để khai thác có hiệu quả các khu, điểm du lịch đã được đầu tư. Phát triển du lịch biển, đảo trở thành loại hình du lịch chủ đạo, lấy Lý Sơn làm hạt nhân. Đẩy mạnh phát triển du lịch văn hoá, lịch sử, tâm linh trên cơ sở nâng tầm giá trị di sản văn hoá Sa Huỳnh, Trường Luỹ Quảng Ngãi, các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể. Kêu gọi đầu tư phát triển du lịch sinh thái ở núi Cà Đam, Gành Yến, suối nước nóng Thạch Bích,...

(Trích Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025).

Tài nguyên văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội. Trong thời gian qua, Quảng Ngãi đã tận dụng sự đa dạng của nguồn tài nguyên này để góp phần thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế của tỉnh qua nhiều lĩnh vực, nổi bật là phát triển kinh tế du lịch, kinh tế làng nghề.



Hình 2.7. Điểm du lịch sinh thái Suối Chí (huyện Nghĩa Hành)

*** Phát triển kinh tế du lịch:**

Chính quyền các cấp ở tỉnh Quảng Ngãi trong những năm gần đây đã đề ra và triển khai những đề án, kế hoạch, tổ chức những hoạt động phát huy thế mạnh của văn hóa truyền thống nhằm góp phần phát triển kinh tế-xã hội tỉnh. Điển hình như: Đề án “Xây dựng chương trình định vị và phát triển thương hiệu du lịch Quảng Ngãi đến năm 2025 định hướng đến năm 2030” của UBND tỉnh; Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì. Bên cạnh đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi cũng thành công trong việc tổ chức Liên hoan nghệ thuật dân ca - bài chòi tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 thu hút đông đảo người yêu nghệ thuật hát dân ca, bài chòi khắp nơi trên cả tỉnh đến xem trình diễn, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức Tuần lễ Du lịch tỉnh Quảng Ngãi năm 2024 nhằm tạo điều kiện cho các chủ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống (OCOP), các nhà đầu tư, khai thác điểm du lịch, dịch vụ du lịch cộng đồng, nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh.



Hình 2.8. Liên hoan nghệ thuật Dân ca - Bài chòi Quảng Ngãi năm 2024

Nhiều địa phương trong tỉnh đã tích cực khai thác những lợi thế để xây dựng mô hình thôn, làng trở thành “bảo tàng sống” và điểm du lịch cộng đồng hấp dẫn: điểm du lịch cộng đồng Bình Thành thuộc xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành với các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, trải nghiệm nghề truyền thống làm bánh, trồng dâu nuôi tằm, xem lễ hội biểu diễn Bài chòi truyền thống,... đã thu hút hàng ngàn lượt du khách hàng năm; thị xã Đức Phổ nổi bật với làng du lịch cộng đồng Gò Cỏ thuộc xã Phổ Khánh với nhiều dịch vụ trải nghiệm văn hóa truyền thống hấp dẫn, lôi cuốn. Khách du lịch thường dành thời gian lưu lại làng Gò Cỏ bởi lễ xung quanh còn có Nhà trưng bày Văn hoá Sa Huỳnh, đầm An Khê, đồng muối Sa Huỳnh; di tích Bia ký Chăm, làng nghề gốm truyền thống Vĩnh An (xã Phổ Khánh), ...



Hình 2.9. Trẻ em tham gia hoạt động lội ruộng bắt cá trong Chương trình “Ấm thực đồng quê” được tổ chức tại Điểm du lịch cộng đồng Bình Thành (huyện Nghĩa Hành)



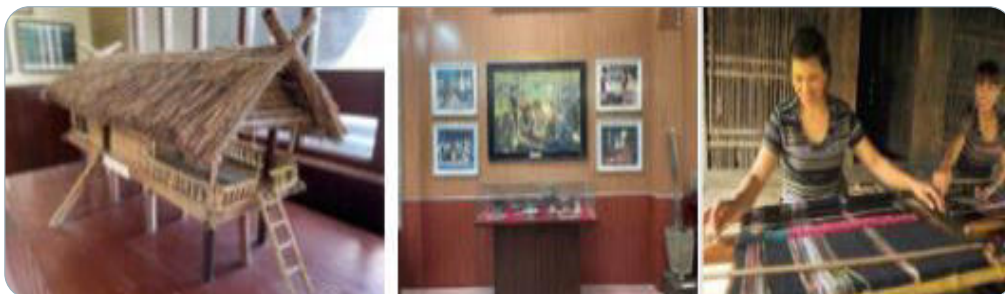
Hình 2.10. Câu lạc bộ Bài chòi huyện Nghĩa Hành biểu diễn phục vụ du khách tham quan ở Điểm du lịch cộng đồng Bình Thành (huyện Nghĩa Hành)

Em có biết?

Năm 2022, tổng lượt khách du lịch do các cơ sở lưu trú phục vụ trên 650 nghìn người, tăng 116,7% so với năm 2021; tổng lượt khách do các cơ sở lữ hành phục vụ đạt 8,6 nghìn lượt người tăng 356,7% so với năm 2021. Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành đạt 14,13 tỷ đồng tăng 352,5% so với năm 2021.

Các tuyến du lịch sinh thái kết hợp khám phá những nét đẹp hoang sơ của thiên nhiên cùng với văn hóa truyền thống đặc trưng của vùng cao ở tỉnh Quảng Ngãi hiện nay có nhiều lợi thế phát triển. Những điểm du lịch vùng cao hiện nay ở tỉnh Quảng Ngãi đang thu hút ngày càng nhiều du khách như: điểm du lịch Lễ hội Điện Trùng Bà gắn với Thác trượt Trà Bói, Suối Mơ, Núi Cà Đam (huyện Trà Bồng); điểm du lịch gắn với di tích Khởi nghĩa Ba Tơ và thảo nguyên Bùi Hui (huyện Ba Tơ); điểm du lịch sinh thái Dak Drinh Lodge (huyện Sơn Tây); điểm du lịch sinh thái Suối Chí (huyện Nghĩa Hành); điểm du lịch sinh thái Thác Trắng (huyện Minh Long),...





Hình 2.11. Một số hình ảnh trong hành trình Tour du lịch Quảng Ngãi - HTX Bình Thành- Làng Teng - Bảo Tàng Khởi Nghĩa Ba Tơ của CocoTravel Quảng Ngãi

* Về kinh tế làng nghề

Quảng Ngãi hiện nay đã và đang phát huy lợi thế của nguồn tài nguyên văn hóa để phát triển kinh tế làng nghề và nghề truyền thống. Tính đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 05 làng nghề truyền thống và 07 nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận; có hơn 5.000 cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động sản xuất kinh doanh với 07 nhóm ngành nghề, doanh thu hàng năm đạt gần 1.000 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho gần 10 nghìn lao động mỗi năm với thu nhập bình quân hằng tháng hơn 4 triệu đồng/người. Nhiều sản phẩm ngành nghề đã có sự cải tiến mẫu mã, chất lượng, thị trường tiêu thụ ổn định, được đánh giá OCOP 3 sao, 4 sao; trong đó phần lớn là nông sản, thực phẩm chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ. Đặc biệt vào dịp Tết cổ truyền thì doanh thu từ các sản phẩm thủ công truyền thống tăng cao.

Việc phát huy lợi thế từ nguồn tài nguyên văn hoá đa dạng của tỉnh để phát triển các lĩnh vực kinh tế như: du lịch, làng nghề,... đã giúp khai thác nguồn nhân lực tại chỗ, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống, thúc đẩy sản xuất phát triển và góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi trong thời kì hội nhập và phát triển.

Du lịch làng nghề là loại hình du lịch văn hóa tổng hợp, kết hợp tham quan, cảm nhận các giá trị văn hóa đặc trưng mà người dân trong làng đã lưu giữ, hiện đang hấp dẫn du khách. Quảng Ngãi là tỉnh có nhiều lợi thế để phát triển loại hình du lịch này, vì đang gìn giữ nhiều làng nghề truyền thống có từ lâu đời.



Hình 2.12. Nghề gốm Mỹ Thiện
(thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn)



Hình 2.13. Nghề làm đường phèn,
đường phôi (thành phố Quảng Ngãi)



Hình 2.14. Nghề dệt thổ cẩm Làng Teng
(xã Ba Thành, huyện Ba Tơ)

b) Tài nguyên văn hoá đối với việc phát triển con người Quảng Ngãi

Văn hoá không chỉ là một trong những nguồn tài nguyên quan trọng trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của tỉnh mà còn là động lực, nền tảng góp phần tác động đến sự phát triển toàn diện con người Quảng Ngãi.

Trong những năm qua, việc phát huy, bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống của tỉnh Quảng Ngãi đều hướng mọi hoạt động vào việc xây dựng con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện về tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh gắn với hình thành nhân cách con người. Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống đã góp phần giáo dục truyền thống tốt đẹp của con người Quảng Ngãi nói chung và đồng bào các dân tộc Kinh, Hrê, Co, Ca Dong, ... nói riêng. Đồng bào các dân tộc ở Quảng Ngãi bao đời nay đã đoàn kết, đồng lòng cùng nhau xây dựng tính cách con người Quảng Ngãi quả cảm, kiên cường, bất khuất trong chinh phục thiên nhiên, đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, tinh thần hiếu học, chịu thương, chịu khó,...



Hình 2.15. Hoạt động văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi được gìn giữ và phát huy



Hình 2.16. Văn hóa, con người Quảng Ngãi trong tổng thể văn hóa và con người Việt Nam



Phân tích vai trò của tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thực trạng việc khai thác và một số giải pháp phát huy vai trò của tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Quảng Ngãi

a) Thực trạng việc khai thác và phát huy vai trò của tài nguyên văn hoá

Trong thời gian qua, các cấp chính quyền tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều sự quan tâm, chỉ đạo đối với việc khai thác tài nguyên văn hoá, chính điều đó đã góp phần làm cho kinh tế - xã hội Quảng Ngãi có những bước phát triển nhất định. Hệ thống cơ sở vật chất từng bước được đầu tư nâng cấp, đặc biệt là ở các vùng đồng bằng, ven biển và miền núi có thể mạnh về văn hóa truyền thống. Hiện nay, Quảng Ngãi có khá nhiều doanh nghiệp kinh doanh lữ hành thành lập, tạo nền tảng để đưa du lịch địa phương phát triển thêm một bước mới, góp phần giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động ở địa phương.

Trên cơ sở tiếp thu, sử dụng nguồn nhân lực đã qua đào tạo, một số doanh nghiệp du lịch đã phát huy và duy trì tính chuyên nghiệp của lực lượng này trong kinh doanh; đồng thời xây dựng các chương trình du lịch hấp dẫn, phong phú để phục vụ du khách ngày càng tốt hơn.

Một chuyển biến khác rất quan trọng là cơ sở hạ tầng tại các khu, điểm du lịch và tuyến đường bộ gắn với các khu, điểm du lịch ngày càng hoàn thiện. Các tuyến đường thủy được quan tâm đầu tư, đổi mới về phương tiện, chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao, đáp ứng nhu cầu đi lại và tham quan của khách du lịch. Sự chuyển biến này đã góp phần làm thay đổi nhận thức và thu hút thêm nhiều du khách đến với Quảng Ngãi.



Hình 2.17. Cầu Cổ Luỹ bắc qua sông Trà Khúc, thành phố Quảng Ngãi

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tài nguyên văn hoá Quảng Ngãi vẫn chưa được khai thác triệt để, hiện vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn như: du lịch phát triển chậm, chưa tương xứng với tài nguyên du lịch vốn có của địa phương, tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa tạo được sức cạnh tranh với các tỉnh trong khu vực. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chưa thực sự phát huy hiệu quả; nguồn nhân lực còn thiếu và yếu; doanh nghiệp kinh doanh du lịch của tỉnh còn hạn chế; thị trường đầu ra cho các sản phẩm nghề thủ công chưa thực sự mở rộng ra bên ngoài,...

b) Một số giải pháp phát huy vai trò của tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Quảng Ngãi

Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền để tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị, các đơn vị kinh doanh du lịch, kinh doanh làng nghề truyền thống và nhân dân về vị trí, vai trò của tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội Quảng Ngãi, từ đó, có sự đầu tư, tổ chức các hoạt động đồng bộ, hiệu quả.

Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển du lịch, nhất là đối với các loại hình du lịch xanh, du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm; phát triển các khu nghỉ dưỡng cao cấp, các loại hình vui chơi giải trí hiện đại, và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tiến tới “chuẩn nghề du lịch” cho lực lượng lao động trong ngành, đặc biệt tại các thị trường trọng điểm như: huyện Lý Sơn, thành phố Quảng Ngãi...

Chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm gắn với tài nguyên về thiên nhiên, văn hoá, lịch sử đặc trưng như: Sản phẩm du lịch biển, đảo với địa bàn trọng điểm là Lý Sơn và Mỹ Khê, Sa Huỳnh; trong đó, tập trung phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng để quảng bá, giới thiệu những nét văn hoá đặc sắc của người dân bản địa đến du khách.

Đẩy mạnh xúc tiến du lịch và kết nối phát triển các tuyến, điểm du lịch; triển khai mạnh mẽ việc hợp tác phát triển du lịch, kết nối tour du lịch biển đảo giữa ba địa phương: Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi; đồng thời, tiếp tục nâng cao trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch...

Xây dựng kế hoạch khôi phục, bảo tồn đối với nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền. Phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hoá nghề, làng nghề truyền thống (nhà thờ tổ nghề, không gian làm nghề, cảnh quan làng nghề,...); hỗ trợ các nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận và đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhân rộng. Chú trọng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề thủ công truyền thống.

Khôi phục, tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hoá dân gian, phát huy các giá trị văn hoá của nghề và làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hoá; tổ chức liên kết chuỗi giá trị, phát triển làng nghề gắn với du lịch, góp phần phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; phát triển các làng nghề mới đảm bảo các giá trị văn hoá truyền thống, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.



Nêu một số giải pháp góp phần phát triển kinh tế – xã hội từ nguồn tài nguyên văn hoá ở tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi theo các gợi ý sau đây:

Loại hình	Tên di sản tiêu biểu	Ý nghĩa, giá trị nổi bật
Phong tục tập quán		
Tín ngưỡng, thờ cúng và lễ hội		
Nghệ thuật dân gian		
Di tích lịch sử – văn hoá		

2. Em hiểu như thế nào về nhận định: Văn hoá vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội?



VẬN DỤNG

Học sinh chọn thực hiện 1 trong 2 nhiệm vụ sau:

1. Nêu việc làm cụ thể của em để góp phần phát huy những giá trị tài nguyên văn hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.
2. Nếu được chọn là đại diện cho học sinh tỉnh Quảng Ngãi giới thiệu về một di sản nổi tiếng của tỉnh nhà với bạn bè trong và ngoài nước, em sẽ giới thiệu di sản nào? Vì sao? Tìm hiểu thông tin và giới thiệu về di sản đó theo cách của em (Ví dụ: làm bài thuyết trình, xây dựng đoạn phim ngắn hoặc thiết kế đồ hoạ,...).

CHỦ ĐỀ 1

VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở KHU VỰC ĐỒI NÚI, ĐỒNG BẰNG VÀ VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được thể mạnh và vấn đề khai thác thể mạnh ở khu vực đồi núi, đồng bằng và ven biển gắn với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- Liên hệ xác định được thể mạnh để phát triển kinh tế của địa phương, từ đó có trách nhiệm với quê hương.



MỞ ĐẦU

Điều kiện tự nhiên, dân cư khác nhau giữa khu vực đồi núi, khu vực đồng bằng và ven biển đã tạo nên các thể mạnh kinh tế đặc trưng cho mỗi khu vực. Việc xác định và phát huy các thể mạnh của từng khu vực sẽ góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.



KIẾN THỨC MỚI

1. Vấn đề khai thác thể mạnh ở khu vực đồi núi

Khu vực đồi núi tỉnh Quảng Ngãi gồm các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ. Khu vực này có dân cư tập trung ít nhưng chiếm đến 62,8% diện tích đất tự nhiên. Chính nguồn lực tự nhiên giàu có cùng với sự đa dạng về văn hoá đã tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

a) Khai thác thể mạnh về lâm nghiệp

Vùng núi tỉnh Quảng Ngãi có diện tích gần 282,9 nghìn ha, là bộ phận lãnh thổ rộng lớn có thể mạnh về lâm nghiệp, cảnh quan rừng núi của tỉnh gắn liền với sườn đông của dãy Trường Sơn Nam hùng vĩ. Tổng diện tích rừng của khu vực đồi núi khoảng 231,1 nghìn ha, chiếm 81,9% diện tích rừng của toàn tỉnh; phần lớn diện tích rừng tập trung ở các huyện: Ba Tơ (93,4 nghìn ha), Trà Bồng (51,6 nghìn ha), Sơn Hà (42,6 nghìn ha). Thảm thực vật rừng bao gồm nhiều loại khác nhau như rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá, rừng tre nứa, rừng trồng. Trong rừng có nhiều loại thực vật, động vật có giá trị kinh tế cao.

Khu vực miền núi hiện đang phát triển mạnh nhiều loại rừng, trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Nhiều chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng đã thu hút nhiều hộ nông dân tham gia quản lý bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng mới khoảng hàng chục nghìn ha rừng đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế – xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân địa phương.

Diện tích rừng trồng cơ bản bảo đảm phục vụ cho các nhà máy sản xuất đồ mộc và chế biến dăm gỗ xuất khẩu. Sự bảo tồn và phát triển vốn rừng như hiện nay đã tạo cơ hội cho nhiều người dân vùng cao, vùng sâu của tỉnh Quảng Ngãi khai thác được tiềm năng kinh tế rừng, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Tuy nhiên việc khai thác thế mạnh về lâm nghiệp ở miền núi cũng còn nhiều bất cập trong quản lý và phát triển vốn rừng, sản xuất lâm nghiệp chưa ổn định, kém hiệu quả. Nhiều nơi sử dụng đất lâm nghiệp không đúng mục đích, công tác quản lý rừng chưa chặt chẽ, trình trạng khai thác rừng trái phép vẫn còn xảy ra nhiều nơi đã làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, phòng, chống thiên tai.



Đọc thông tin ở mục 1 a, hãy cho biết khu vực đồi núi của tỉnh Quảng Ngãi đã khai thác tiềm năng lâm nghiệp như thế nào?

b) Phát triển cây dược liệu, cây đặc sản

Các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi có khí hậu mang tính chất của vùng khí hậu Nam Trung Bộ với nền nhiệt ẩm cao, diện tích đất xám và đất đỏ khá lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất cây dược liệu, cây đặc sản bản địa.

Khu vực miền núi Quảng Ngãi có nhiều loại cây dược liệu quý, có giá trị y học và giá trị kinh tế khá cao như: cây quế Trà Bồng, đẳng sâm, bách bộ, sâm bầy lá một hoa, thiên niên kiện, sa nhân tím, gừng gió, thảo quả, lá khô, lan kim tuyến,... Tại các huyện: Sơn Tây, Trà Bồng đã và đang phát triển vùng chuyên canh cây dược liệu gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, nhiều sản phẩm đã có thương hiệu và giá trị trên thị trường góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân, bảo vệ nguồn gen quý để nhân ra diện rộng.

Tuy nhiên, ở một số địa phương do cách khai thác tùy tiện nên có nguy cơ cạn kiệt một số cây dược liệu quý. Để phát triển hiệu quả và bền vững cần tiếp tục mở rộng diện tích và chủng loại dược liệu hàng hoá có ưu thế trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tiếp tục trồng thử nghiệm (kim tiền thảo, ba kích, cà gai leo, lô hội, đẳng sâm, sa nhân, sâm Ngọc Linh) và trồng cải tạo, bổ sung, thay thế diện tích cây dược liệu đã khai thác; duy trì, phát triển có hiệu quả diện tích cây dược liệu hiện có trên địa bàn tỉnh.



Hình 1.1. Các sản phẩm của cây quế Trà Bồng

Em có biết?

Huyện Trà Bồng là một trong bốn vùng trồng quế trọng điểm của cả nước. Tính đến năm 2022, diện tích trồng quế ở Trà Bồng lên đến 5.200 ha, sản lượng hàng năm thu hoạch trung bình khoảng 1.600 – 2.000 tấn vỏ quế, trong đó có khoảng 70% xuất khẩu làm tinh dầu và đồ thủ công mỹ nghệ. Cây quế ở Quảng Ngãi đã chiết xuất và tạo ra được 17 sản phẩm được tỉnh công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh. (Nguồn: <https://dantocmiennui.vn>)

c) Phát triển thủy điện

Quảng Ngãi là một tỉnh thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, với địa hình dốc và hẹp ngang, kết hợp với lượng mưa hàng năm khá lớn nên một số sông có tiềm năng thủy điện tạo thuận lợi xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.

Tính đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh có 16 nhà máy thủy điện đi vào hoạt động ổn định phát điện lên lưới điện quốc gia với sản lượng khoảng 1,47 tỉ kWh. Các nhà máy thủy điện có công suất lớn như: Thủy điện Đắk Đrinh (công suất 125MW) trên sông Đắk Đrinh tại huyện Sơn Tây, thủy điện Đắk Re (công suất 60MW) trên thượng nguồn của dòng sông Re thuộc hệ thống sông Trà Khúc tại huyện Ba Tơ, Thủy điện Nước Trong (16.5 MW) trên Sông Tang phụ lưu dòng Đắk Đrinh tại huyện Sơn Hà, Tổ hợp thủy điện Sơn Trà (công suất 69MW) tại huyện Trà Bồng.

Các nhà máy thủy điện đã tăng cường khả năng cung cấp điện liên tục và ổn định cho tỉnh Quảng Ngãi, phát huy được tính chủ động cung ứng nguồn điện phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và sinh hoạt của nhân dân trong tỉnh. Diện tích mặt nước vùng lòng hồ có thể phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt kết hợp phát triển du



Hình 1.2. Thủy điện Đắk Đring (huyện Sơn Tây)

lịch sinh thái, góp phần tạo việc làm, nâng cao tăng thu nhập, ổn định cuộc sống cho người dân, từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và mục tiêu xoá đói, giảm nghèo tại các huyện miền núi của tỉnh.

Phát triển thủy điện ở khu vực miền núi Quảng Ngãi đã thực hiện nhiều giải pháp như quy hoạch phát triển thủy điện hợp lý, kiểm soát điều tiết việc xả lũ tại các hồ chứa nước thủy điện khoa học, tối ưu. Phát triển thủy điện gắn liền với tái định canh, định cư; kết hợp với giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tài nguyên sinh vật để đảm bảo phát triển bền vững.



Đọc thông tin ở mục 1.c, hãy kể tên một số nhà máy thủy điện ở Quảng Ngãi. Nêu ý nghĩa của các nhà máy thủy điện đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở khu vực đồi núi.

d) Du lịch

Không gian phía Tây thuộc các huyện miền núi có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, với hệ thống cảnh quan thiên nhiên (rừng, thác, sông, suối, hồ,...) phong phú, khí hậu mát mẻ, tài nguyên du lịch nhân văn đa dạng với các lễ hội, văn hoá, trang phục của đồng bào dân tộc thiểu số,... là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sức khỏe, du lịch văn hoá,...

Du lịch ở nhiều địa phương miền núi đang hình thành và có sự định hình rõ nét. Huyện miền núi Trà Bồng có nhiều cảnh đẹp, cùng khí hậu mát mẻ, văn hoá đa dạng. Đây là điều kiện thích hợp để địa phương phát triển du lịch sinh thái nghỉ

dưỡng và đã hình thành các điểm du lịch như: núi Cà Đam, mỏ nước nóng xã Trà Bình, du lịch tâm linh Điện Trường Bà,... Huyện Ba Tơ có nhiều tài nguyên du lịch như: hồ chứa nước Tôn Dung (thị trấn Ba Tơ), thảo nguyên Bùi Hui (xã Ba Trang), thác Lệ Trinh, thác Tà Manh, thác Cao Muôn, rừng tự nhiên ở núi Cao Muôn, có di tích quốc gia Trường Luỹ Quảng Ngãi, Di tích Quốc gia khởi nghĩa Ba Tơ,... Huyện Minh Long có Thác Trắng đã đầu tư khai thác và phát triển du lịch.

Tiềm năng về văn hoá bản địa ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi cũng rất đa dạng và phong phú. Các dân tộc Kinh, Hrê, Co và Ca Dong trên địa bàn các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi đã có một bề dày văn hoá lịch sử, văn hoá kiến trúc nhà sàn, nhiều lễ hội và nghề truyền thống ở đây gắn liền với phong tục tập quán, tâm linh và sinh hoạt cộng đồng của người dân tộc Hrê, Co và Ca Dong vẫn còn gìn giữ, lưu truyền qua nhiều thế hệ. Các địa phương miền núi đã và đang hướng đến khai thác những giá trị truyền thống đặc sắc này để phục vụ du lịch văn hoá cộng đồng.

Tuy nhiên, hạ tầng và nguồn lực đầu tư phát triển du lịch ở khu vực miền núi còn nhiều hạn chế, nhiều điểm du lịch hình thành mang tính tự phát, thiếu tính kết nối nên hiệu quả chưa cao. Hướng phát triển trong thời gian đến tập trung đầu tư đồng bộ hơn, nhất là về hạ tầng giao thông, các dịch vụ đi kèm và kết nối được chuỗi du lịch. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, quảng bá hình ảnh du lịch địa phương, tăng cường liên kết giữa các điểm du lịch trong tỉnh và liên tỉnh, để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương.



Hình 1.3. Thảo nguyên Bùi Hui
(xã Ba Trang, huyện Ba Tơ)



Hình 1.4. Một nghi thức trong Lễ hội
Điện Trường Bà (huyện Trà Bồng)



Đọc thông tin ở mục 1.d, hãy trình bày tình hình phát triển du lịch ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi.

2. Vấn đề khai thác thế mạnh khu vực đồng bằng và ven biển

Khu vực đồng bằng và ven biển gồm: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Lý Sơn. Khu vực này có dân cư tập trung đông đúc, hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

a) Khai thác thế mạnh nông nghiệp và ngư nghiệp

Khu vực đồng bằng và ven biển có địa hình tương đối bằng phẳng, gồm một dải đồng bằng nhỏ hẹp, chạy dọc từ bắc vào nam nằm ở hạ lưu các con sông của tỉnh, kết hợp với nguồn nước dồi dào từ các hệ thống sông lớn và kênh mương thủy lợi đã tạo cho vùng có thế mạnh trồng cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp hàng năm có giá trị hàng hoá cao.

Diện tích trồng cây lương thực của các huyện đồng bằng và ven biển so với toàn tỉnh là 78,5% và sản lượng cây lương thực của các huyện đồng bằng và ven biển so với toàn tỉnh là 82,4 % (năm 2022). Cây lúa là cây lương thực chủ đạo, phát triển mạnh ở các huyện Bình Sơn, Mộ Đức và Thị xã Đức Phổ. Ngoài cây lúa, ở vùng đồng bằng còn trồng các cây lương thực khác như ngô, khoai lang,...

Cây công nghiệp hàng năm được trồng nhiều như mía, lạc, vừng,... và đã hình thành các vùng chuyên canh năng suất cao. Các loại rau được tập trung sản xuất ở các khu vực có điều kiện thuận lợi như vùng bãi bồi ven các sông lớn của tỉnh.

Hạn chế trong ngành trồng trọt là tình trạng sản xuất quy mô nhỏ, phân tán, hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản chưa cao. Trong thời gian tới cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất.

Lợi thế về cơ sở thức ăn và thị trường tiêu thụ lớn đã tạo điều kiện cho ngành chăn nuôi lợn và gia cầm phát triển mạnh ở vùng đồng bằng. Sản lượng lợn đạt 307,1 nghìn con, chiếm 79,2% sản lượng lợn cả tỉnh và gia cầm đạt 5 274,8 nghìn con, chiếm 90,8% sản lượng gia cầm cả tỉnh (năm 2022).

Quảng Ngãi có đường bờ biển dài khoảng 130 km, vùng biển rộng lớn, có ngư trường Hoàng Sa – Trường Sa với nguồn hải sản phong phú, nhiều loài cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích,... tạo thuận lợi cho ngành đánh bắt xa bờ. Dọc bờ biển có nhiều vũng, bãi triều, đầm phá thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. Hoạt động chế biến hải sản ngày càng đa dạng, phong phú, trong đó nước mắm Sa Huỳnh, Lý Sơn, Mộ Đức là những sản phẩm được ưa chuộng trên thị trường.

Thời gian tới cần khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển bền vững toàn diện các lĩnh vực sản xuất khai thác, nuôi trồng, chế biến và xây dựng kết cấu hạ tầng nghề cá theo hướng bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường, phấn đấu trở thành ngành sản xuất hàng hoá mạnh có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng

suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Khai thác thủy sản phải đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kết hợp bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; nâng cao năng lực, hiệu quả khai thác hải sản xa bờ; bảo tồn, lưu giữ, phục hồi đa dạng sinh học các hệ sinh thái.



Đọc thông tin ở mục 2.a, hãy trình bày thể mạnh để phát triển nông nghiệp và ngư nghiệp ở khu vực đồng bằng và ven biển của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Khai thác thể mạnh công nghiệp

Khu vực đồng bằng có dân cư tập trung đông đúc chiếm tới 79,6% số dân của tỉnh (năm 2022), hệ thống giao thông có Quốc lộ 1, đường sắt Bắc – Nam, cảng nước sâu Dung Quất và nhiều khu công nghiệp có quy mô lớn,... tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động công nghiệp phát triển mạnh mẽ.

Khu vực đồng bằng có lợi thế về nguyên liệu, lao động và thị trường tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm như công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến thực phẩm – đồ uống, công nghiệp dệt may, da giày,... Hiện nay, các ngành công nghiệp với công nghệ hiện đại được đầu tư xây dựng và phát triển tại Khu kinh tế Dung Quất như: công nghiệp lọc hoá dầu, công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo. Nhiều dự án công nghiệp được đầu tư và phát triển tại Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp đã thúc đẩy công nghiệp của khu vực đồng bằng và ven biển của tỉnh Quảng Ngãi phát triển nhanh, góp phần chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp có công nghệ, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu.



Hình 1.5. Nhà máy Lọc hoá dầu Dung Quất

Tuy nhiên, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chất lượng nguồn lao động còn thấp,... đã gây khó khăn cho việc khai thác thế mạnh công nghiệp của khu vực đồng bằng và ven biển. Trong thời gian tới, công nghiệp của khu vực đồng bằng, ven biển sẽ có nhiều thuận lợi hơn để phát triển khi tỉnh đã thu hút được nhiều dự án đầu tư công nghiệp và tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.



Đọc thông tin mục 2.b, hãy giải thích tại sao hoạt động công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi tập trung ở khu vực đồng bằng và ven biển?

c) Khai thác thế mạnh dịch vụ

Khu vực đồng bằng và ven biển có các ngành sản xuất phát triển, nhất là hoạt động công nghiệp; có cơ sở hạ tầng – kĩ thuật tương đối phát triển và tập trung phần lớn dân cư, lao động của tỉnh đã tạo ra những lợi thế trong phát triển ngành dịch vụ.

Hoạt động thương mại chủ yếu phát triển ở khu vực thành thị và các địa phương đông dân như: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, huyện Bình Sơn; ở các huyện khác hoạt động dịch vụ còn hạn chế. Hoạt động thương mại đa dạng, trong đó ngành bán lẻ hàng hoá và dịch vụ lưu trú, ăn uống phát triển khá nhanh. Hạ tầng thương mại ngày càng được đảm bảo, hệ thống chợ, các siêu thị, trung tâm thương mại được đầu tư, phát triển.

Hoạt động giao thông vận tải ở khu vực đồng bằng và ven biển Quảng Ngãi thuận lợi do nằm trên trục giao thông Bắc – Nam của đất nước, có khả năng kết nối nội tỉnh, ngoại tỉnh và quốc tế. Cơ sở hạ tầng giao thông của vùng đang được đầu tư và nâng cấp với hệ thống đường bộ, đường biển, đường sắt đã làm tăng khả năng vận chuyển hàng hoá, hành khách, thúc đẩy kinh tế – xã hội của vùng và của tỉnh Quảng Ngãi phát triển, hội nhập với các vùng khác và quốc tế.

Hoạt động du lịch tỉnh Quảng Ngãi đang phát triển chủ yếu ở khu vực phía đông của tỉnh với sản phẩm du lịch chính là du lịch biển đảo. Trong đó, tập trung chủ yếu tại thành phố Quảng Ngãi và huyện Lý Sơn. Hiện nay, khu vực này đã và đang thu hút các dự án đầu tư về cơ sở vật chất để phát triển du lịch.

Trong thời gian tới, hoạt động dịch vụ của khu vực đồng bằng và ven biển theo hướng đa dạng hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các loại hình dịch vụ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của khu vực và của tỉnh, góp phần thúc đẩy cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.



Đọc thông tin ở mục 2.c, hãy trình bày thế mạnh phát triển dịch vụ giao thông vận tải và du lịch của khu vực đồng bằng và ven biển tỉnh Quảng Ngãi.



1. Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP
CỦA KHU VỰC MIỀN NÚI VÀ TOÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2019	2020	2021	2022
Toàn tỉnh	2870,3	2968,5	3297,5	3777,8
Khu vực miền núi	2173,1	2193,7	2502,8	2888,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)

Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, hãy:

- Nhận xét về khai thác thế mạnh lâm nghiệp ở vùng đồi núi của tỉnh Quảng Ngãi.
- Đề xuất một số giải pháp để phát huy thế mạnh này.

2. So sánh sự khác nhau trong việc khai thác thế mạnh nông nghiệp của vùng đồi núi và vùng đồng bằng và ven biển của tỉnh Quảng Ngãi.



Tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về một thế mạnh để phát triển kinh tế – xã hội nổi bật của địa phương em sinh sống.

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC SINH ĐÁP ỨNG XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Xác định được các yếu tố cần thiết để định hướng lựa chọn nghề nghiệp đáp ứng xu thế phát triển của thị trường lao động.
- Trình bày được xu thế phát triển của thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu đặt ra đối với mỗi người.
- Xác định được định hướng nghề nghiệp của bản thân và xây dựng, thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp.



MỞ ĐẦU

Xác định nghề nghiệp tương lai từ sớm đóng vai trò quan trọng giúp các em học sinh tập trung nguồn lực và cam kết cá nhân để đạt được thành công. Tuy vậy, xác định nghề nghiệp đúng đắn từ bậc phổ thông trung học luôn là thách thức lớn với các em học sinh. Việc chọn ngành nghề quyết định phần lớn tương lai của mỗi người, do đó không nên chủ quan khi đưa ra quyết định để tránh gặp phải những sai lầm đáng tiếc. Chọn ngành nghề không chỉ phù hợp với năng lực, sở thích mà cần phải phù hợp điều kiện kinh tế gia đình và xu hướng trong tương lai. Muốn có việc làm và thu nhập cao cần phải nắm bắt thông tin về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng lao động, xu thế phát triển của thị trường lao động tại địa phương mình sinh sống.



Bản thân em đang gặp những khó khăn gì trong việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai? Theo em, việc lựa chọn nghề đúng sẽ mang đến cho em những lợi ích gì?



1. Những yếu tố cần thiết để học sinh chọn nghề phù hợp với xu thế phát triển của thị trường lao động

– Nhu cầu xã hội: là yếu tố luôn biến đổi không ngừng và ảnh hưởng trực tiếp đến sự lựa chọn nghề nghiệp. Hệ thống nghề nghiệp cũng trở nên đa dạng và phong phú bắt nhịp với xu thế phát triển của thị trường lao động. Do đó, học sinh cần tìm hiểu thông tin, xem xét nhu cầu lao động, ngành nghề đang phát triển tại địa phương trước khi lựa chọn.

– Bản thân học sinh: việc lựa chọn nghề nghiệp liên quan rất nhiều đến sở thích, năng lực, cá tính, sức khỏe và quan niệm về giá trị nghề nghiệp,... mà học sinh cần chú ý khi định hướng nghề nghiệp tương lai.

– Gia đình: hoàn cảnh kinh tế, truyền thống nghề nghiệp gia đình là một trong những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến việc chọn và quyết định con đường nghề nghiệp của mỗi người, nhất là những gia đình có nghề truyền thống như nghề đồng y, nghề thủ công mỹ nghệ, nghề biểu diễn, sáng tác,... Do đó, khi chọn lựa nghề nghiệp cũng nên lắng nghe lời khuyên từ những người thân.

– Yếu tố giới và yêu cầu đặc thù của nghề nghiệp: hiện nay, chúng ta quan tâm nhiều đến vấn đề bình đẳng giới, vì vậy có nhiều nghề cả nam và nữ đều có thể chọn. Tuy nhiên, cũng có một số nghề do đặc thù của nó có chống chỉ định riêng nên nữ giới và nam giới cần cân nhắc khi chọn nghề.



Trong các yếu tố trên, yếu tố nào có vai trò quan trọng nhất trong việc định hướng nghề nghiệp của em?

2. Xu thế phát triển của thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi và yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực

a) Xu thế phát triển của thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi

– Quảng Ngãi là tỉnh từ nền cơ cấu kinh tế thuần nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 55,7%; công nghiệp – xây dựng 16,5 % và dịch vụ 27,8% năm 1990; đến năm 2019, kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, theo đó: công nghiệp – xây dựng tăng lên 51,9%; dịch vụ 29,8%; nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm còn 18,8%. Tỷ trọng ngành công nghiệp – xây

dựng trong GRDP các năm 2020 đến năm 2023 đều đạt cao hơn nhiều so với các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Đối với công nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2018 - 2023 đạt 8,5%/năm. Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP từ 37,5% vào năm 2018 đã tăng lên 42,3% vào năm 2023. Trong đó, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2018 đạt 36,6%; năm 2023 đạt 40,2%. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ năm 2018 chiếm 50,9% thì đến năm 2023 chiếm 67% lao động toàn tỉnh. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã tác động rất lớn đến xu thế phát triển của thị trường lao động. Cơ cấu kinh tế Quảng Ngãi chuyển dịch từ nông, lâm nghiệp và thủy sản sang công nghiệp – dịch vụ đòi hỏi nguồn nhân lực phải chuyển dịch để đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghiệp - dịch vụ.



Hình 6.1. Nhà máy lọc dầu Dung Quất



Hình 6.2. Khu Công nghiệp Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi

– Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn, tỉnh Quảng Ngãi phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 37%. Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 6 - 8%/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 25%. Quảng Ngãi xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2030: phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, là tỉnh phát triển công nghiệp với hai ngành công nghiệp chủ lực: Lọc hóa dầu và luyện kim thép. Tầm nhìn đến năm 2045: Quảng Ngãi là tỉnh phát triển bền vững và đa dạng với các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tỷ trọng của khu vực công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu GRDP đạt 72-73%, năng suất lao động tăng trưởng bình quân 6,5-7,5% (Theo Chương trình hành động 31-CTr/TU ngày 16/02/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi).

Tư liệu

DANH MỤC LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC (GIAI ĐOẠN 2018 -2022)

Nghề nghiệp	Năm				
	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số	730.541	725.599	664.890	657.701	664.030
Lãnh đạo, quản lý trong các ngành, các cấp và các đơn vị	6.534	6.477	7.546	6.641	7.592
Nhà chuyên môn bậc cao	50.397	49.958	67.416	65.554	72.281
Nhân viên	11.343	11.244	8.910	8.641	5.958
Dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng	116.974	115.954	126.866	129.248	126.807
Nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp	39.376	39.033	27.454	28.835	24.697
Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	80.556	79.854	104.156	105.238	103.106
Thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị	30.670	30.402	48.888	54.363	59.593
Nghề giản đơn	393.653	391.648	272.967	256.384	259.251
Khác	1.038	1.029	687	2.797	4.745

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2022)

– Năm 2023, tỉnh Quảng Ngãi đã tạo việc làm mới cho hơn 10.000 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt gần 63%. Đầu năm 2024 các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có nhu cầu tuyển dụng hơn 14.000 lao động. Trong đó, yêu cầu lao động có trình độ bằng cấp, chứng chỉ chiếm tỷ lệ hơn 49%. Các Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, Công ty TNHH Happy Furniture (Việt Nam), Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất,... đang tìm kiếm hàng nghìn vị trí việc làm, từ chuyên viên, kỹ thuật viên, nhân viên văn phòng đến công nhân lao động phổ thông,... (Tham khảo Danh sách nhu cầu tuyển dụng năm 2024 qua đường link: <https://vieclamquangngai.com.vn/tin-tuc/thong-tin-nhu-cau-tuyen-dung-lao-dong-trong-tinh-quy-i-nam-2024-275.html>). Nhu cầu tuyển dụng và yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực mang tính xu hướng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và luôn có sự biến động, vì vậy học sinh cần thường xuyên cập nhật thông tin, nhu cầu của các nhà tuyển dụng hằng năm.



Trình bày xu thế phát triển của thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi?

b) Yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực để đáp ứng xu thế phát triển thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi

Nguồn nhân lực là tổng thể số lượng và chất lượng con người với tổng hòa các tiêu chí về trí lực, thể lực và những phẩm chất đạo đức, tinh thần tạo nên năng lực mà bản thân con người và xã hội đã, đang và sẽ huy động vào quá trình lao động sáng tạo vì sự phát triển và tiến bộ xã hội.

+ Trí lực: Bao gồm trình độ học vấn, kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.

+ Thể lực: Là sức khỏe, khả năng chịu đựng áp lực công việc và sự dẻo dai của cơ thể, đảm bảo có thể hoàn thành công việc một cách năng suất và bền bỉ.

+ Tâm lực: Là sức khỏe tinh thần, thái độ làm việc, động lực phấn đấu và khả năng kiểm soát cảm xúc, duy trì sự ổn định, lạc quan và cống hiến hết mình cho công việc, ngay cả trong môi trường đầy thách thức.

Để phù hợp xu thế phát triển thị trường lao động tỉnh Quảng Ngãi, mỗi cá nhân ngoài việc tập trung hoàn thiện bản thân đảm bảo yêu cầu về trí lực, thể lực, tâm lực thì người lao động cần chú trọng thêm kỹ năng về chuyên môn thuộc các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn phù hợp cho từng giai đoạn phát triển của tỉnh, như: công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải carbon thấp, các ngành công nghiệp có lợi thế trong tỉnh (hóa dầu, điện khí, luyện kim, cơ khí chế tạo,...); các lĩnh vực thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, logistics, du lịch và các lĩnh vực thuộc dịch vụ của nền kinh tế số,... góp phần tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế và phát triển con người tại địa phương.

Bên cạnh đó, người lao động cần phải nắm được các yêu cầu của từng nhóm nghề cơ bản:

- + Công việc đặc trưng của nhóm nghề.
- + Điều kiện làm việc của nhóm nghề.
- + Công cụ lao động của nhóm nghề.
- + Chống chỉ định y học của nhóm nghề.

(Tham khảo danh mục nghề nghiệp Việt Nam: ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ).



Theo em, để đáp ứng xu thế phát triển của thị trường lao động tỉnh thì yêu cầu đặt ra đối với mỗi người là gì?



LUYỆN TẬP

1. Tự đánh giá những thế mạnh, khó khăn của bản thân em khi lựa chọn nhóm nghề.
2. Dựa vào các nhu cầu tuyển dụng và yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực, hãy cho biết những cơ hội và thách thức đối với nghề nghiệp mà em dự kiến lựa chọn.



VẬN DỤNG

1. Thuyết trình về nghề mà em lựa chọn.

Gợi ý:

- Lí do lựa chọn nghề nghiệp (Sở thích, khả năng bản thân, định hướng của gia đình, nhu cầu xã hội,...).
 - Xây dựng kế hoạch rèn luyện bản thân đáp ứng những yêu cầu của nghề nghiệp lựa chọn.
2. Em hãy thu thập thông tin về những trường hoặc cơ sở đào tạo nghề ở tỉnh Quảng Ngãi liên quan đến nghề nghiệp mình lựa chọn.

Chủ đề 8

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI Ở KON TUM

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được những biến đổi văn hoá, xã hội trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế; nguyên nhân của những biến đổi văn hoá, xã hội trong mối quan hệ với sự phát triển kinh tế tại địa phương.
- Biết được những biến đổi tích cực, tiêu cực trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với biến đổi văn hoá, xã hội tại địa phương.
- Biết được một số biện pháp và chính sách đang thực hiện nhằm giải quyết một số vấn đề liên quan mối quan hệ phát triển kinh tế và biến đổi văn hoá, xã hội tại địa phương.
- Giới thiệu được hoạt động văn hóa, xã hội có ý nghĩa góp phần phát triển kinh tế ở địa phương. Từ đó nhận biết được sở thích, khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân.



MỞ ĐẦU



Kiến thức mới

Trong những năm gần đây tốc độ tăng trưởng, phát triển kinh tế ở Kon Tum có nhiều chuyển biến tích cực kéo theo sự biến đổi văn hóa, xã hội tại địa phương. Sự tăng trưởng, phát triển kinh tế không chỉ mang lại những biến đổi tích cực cho văn hóa, xã hội mà còn để lại những vấn đề tiêu cực. Do vậy tỉnh Kon Tum đã có những quyết định chiến lược, chính sách đồng bộ và hành động phù hợp để phát huy hết những yếu tố thuận lợi, hạn chế thấp nhất những khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với biến đổi văn hóa, xã hội.

Hãy nêu một số ví dụ về sự phát triển kinh tế làm biến đổi văn hóa, xã hội tại địa phương nơi em đang sinh sống.

1. Những biến đổi về văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế ở Kon Tum

a. Những biến đổi tích cực về văn hoá do tác động của phát triển kinh tế



Hình 8.1. Lễ khai mạc ngày hội văn hóa, thể thao du lịch các dân tộc vùng Tây Nguyên tại Kon Tum (Ảnh: Quốc Vương)



Hình 8.2. Lễ khai giảng năm học mới tại trường THPT Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Ảnh: Quốc Vương)



Hình 8.3. Học sinh tham gia khai mạc HKPD tỉnh Kon Tum lần thứ 9 (Ảnh: Ban Nguyễn)



Hình 8.4. Một góc thành phố Kon Tum (Ảnh: Ban Nguyễn)

Thông tin 1. Nhiều giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc sắc của các dân tộc được khôi phục, bảo tồn và phát huy; một số nghề thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh tiếp tục được khôi phục, phát triển. Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*" và việc xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa đạt kết quả. Chất lượng giáo dục và đào tạo chuyển biến tích cực, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được nâng lên; hạ tầng cơ sở và trang thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư, nâng cấp; mạng lưới y tế từng bước được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, các chương trình, dự án đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được tập trung thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng; tình hình kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn có nhiều chuyển biến; tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 4,05%/năm.

Theo Tài liệu tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kon Tum

Thông tin 2. Thông qua các hình thức tuyên truyền người dân trong tỉnh đã nắm bắt và thực hiện các phong trào thi đua “*Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới*”. Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”. Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*” đã tạo khí thế sôi nổi, phát huy tinh thần sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường của người dân trong việc xây dựng, giữ gìn và bảo vệ các công trình xây dựng nông thôn mới; tích cực tham gia xây dựng đường làng xanh, sạch, đẹp. Nhiều hộ gia đình tự nguyện hiến đất, cây trồng và đóng góp tiền của, ngày công để làm đường giao thông nông thôn; tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao thu nhập phát triển kinh tế hộ gia đình

Theo Hoài Tiến (báo Kon Tum)

Thông tin 3. Trong thời gian qua chính quyền và nhân dân tỉnh Kon Tum đã xác định khoa học và công nghệ là yếu tố không thể thiếu trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Sự phát triển của khoa học và công nghệ đã tạo ra kết cấu hạ tầng thông tin ngày một tốt hơn, khả năng tiếp cận, xử lý thông tin của chính quyền địa phương và người dân ngày càng tăng nhanh. Đây là “kênh” vừa ít



Hình 8.5. Chương trình nghệ thuật chào mừng 10 năm ngày thành lập TP Kon Tum (Ảnh: Ban Nguyễn)

tốn kém chi phí, vừa nhanh và hiệu quả trong việc lãnh đạo, điều hành, quảng bá tiềm năng, giới thiệu văn hóa, thu hút đầu tư có ý nghĩa tích cực đến nhận thức của nhân dân trong việc tìm kiếm, phát hiện, bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa. Đẩy mạnh, phát triển nhanh ngành công nghiệp văn hóa như: Nghệ thuật biểu diễn, đồ thủ công mỹ nghệ, du lịch văn hóa, sinh thái, tâm linh, gắn với việc khai thác không gian văn hóa cộng đồng... với mục tiêu đưa doanh thu của ngành công nghiệp văn hóa chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng thu ngân sách, đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

Quốc Vương (Tổng hợp)

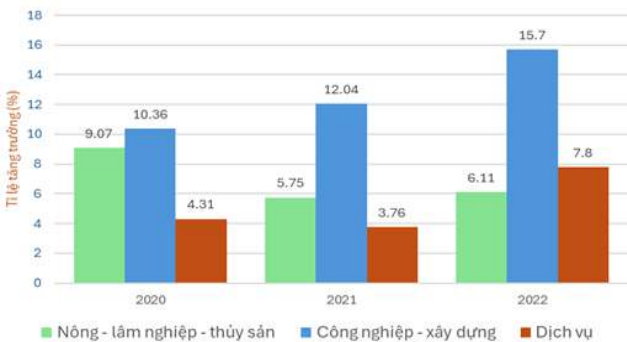
- Hãy chỉ ra những biểu hiện cụ thể sự biến đổi tích cực về văn hoá do tác động của phát triển kinh tế được thể hiện trong hình ảnh và thông tin trên.

- Hãy kể thêm một số biến đổi tích cực về văn hoá do sự tác động của phát triển kinh tế tại địa phương nơi em đang sinh sống.

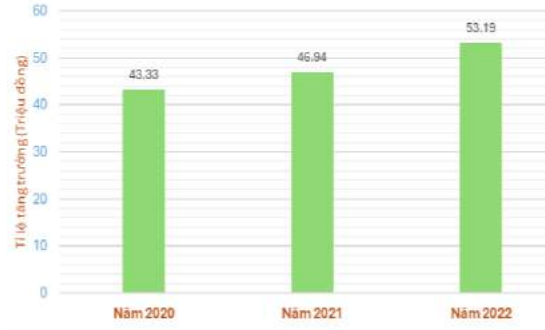
b. Những biến đổi tích cực về xã hội do tác động của phát triển kinh tế ở địa phương

Quan sát biểu đồ, bảng biểu, đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi

Biểu đồ 1. Tăng trưởng kinh tế các khu vực tỉnh Kon Tum



Biểu đồ 2. GRDP bình quân đầu người tỉnh Kon Tum



Bảng 1. Số lượng cơ sở y tế giai đoạn 2016 – 2023

Năm	Bệnh viện (cơ sở)	Phòng khám đa khoa (cơ sở)	TYT xã, phường (cơ sở)	TYT của cơ quan, xí nghiệp (cơ sở)	Tổng (cơ sở)
2020	13	3	99	2	117
2021	12	5	99	4	120
2022	12	5	99	4	120
2023	14	6	99	2	121

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum, Sở Y tế tỉnh Kon Tum

Bảng 2. Lượt khách du lịch đến tỉnh Kon Tum

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Dự kiến Năm 2024	Dự kiến Năm 2025	Dự kiến giai đoạn 2021-2025
1	Lượt khách quốc tế	Lượt người	0	251.100	288.760	332.070	381.885	1.472.155
2	Lượt khách nội địa	Lượt người	331.000	452.230	520.065	598.808	687.790	2.651.405

Nguồn: Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 2021 - 2025

Thông tin 1. Đến cuối năm 2020 tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 25.851 tỷ đồng. Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9,13%/năm; thu nhập bình quân đầu người năm 2020 khoảng 31,5 triệu đồng; thu ngân sách nhà nước tại địa bàn đến năm 2020 đạt 3.505 tỷ đồng. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ được chú trọng triển khai, một số sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, chăm sóc sức khỏe, giải trí... có bước phát triển. Hạ tầng du lịch từng bước được đầu tư hoàn thiện, trong đó đã cho chủ trương đầu tư một số dự án phát triển du lịch sinh thái, nhiều tour, tuyến, điểm du lịch được đưa vào khai thác, lượng khách du lịch đến tỉnh bình quân tăng 23%/năm.

Trích: Những thành tựu nổi bật của tỉnh Kon Tum sau 30 năm thành lập lại (12/8/1991-12/8/2021)

Thông tin 2. Các dự án trọng điểm của tỉnh được đẩy mạnh thực hiện, nhất là hạ tầng giao thông; các tuyến giao thông nội tỉnh được đầu tư, nâng cấp; nhiều công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, phục vụ tốt nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Hạ tầng lưới điện, thông tin, truyền thông, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao, du lịch được đầu tư hoàn thiện. Năm 2020, có 99,3% hộ gia đình sử dụng điện; 100% thôn có điện; trên 89% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Đến nay có 28 xã đạt chuẩn nông thôn mới; cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã ngày càng được hoàn thiện, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm nghèo, nâng cao cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với khu vực nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Trích: Những thành tựu nổi bật của tỉnh Kon Tum sau 30 năm thành lập lại (12/8/1991-12/8/2021)

Thông tin 3. Chất lượng Giáo dục và Đào tạo chuyển biến tích cực, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hệ thống trường, lớp học tiếp tục được củng cố, sắp xếp, tạo thuận lợi cho người học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, tỷ lệ lao động được đào tạo đến năm 2020 là 52%. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được nâng lên; hạ tầng cơ sở và trang thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư, nâng cấp; mạng lưới y tế từng bước được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả; 100% xã, phường, thị trấn được công nhận đạt Bộ tiêu chí Quốc gia y tế xã giai đoạn 2011 - 2020.

Trích: Những thành tựu nổi bật của tỉnh Kon Tum sau 30 năm thành lập lại (12/8/1991-12/8/2021)

- Hãy cho biết những biến đổi tích cực của xã hội do tác động từ sự phát triển kinh tế. Nêu những biểu hiện cụ thể của sự biến đổi đó.

- Hãy chỉ ra nguyên nhân của những biến đổi tích cực về xã hội trong bối cảnh phát triển kinh tế ở Kon Tum và địa phương nơi em sinh sống.

c. Những biến đổi tiêu cực về văn hoá, xã hội do tác động của phát triển kinh tế ở địa phương

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, lối sống thực dụng đã đưa không ít thanh, thiếu niên ở Kon Tum tiếp cận nhanh chóng những trào lưu mới với lối sống hưởng thụ, xa rời phong tục, tập quán truyền thống. Bên cạnh đó, sự bùng nổ của các phương tiện thông tin, các mạng xã hội không lành mạnh dẫn đến thế hệ trẻ ít quan tâm đến việc bảo tồn các phong tục, tập quán, các lễ nghi tín ngưỡng, các lễ hội truyền thống, các loại nhạc cụ, làn điệu dân ca... Sự chi phối của nền kinh tế thị trường trong việc tổ chức các sự kiện. Các lễ hội văn hóa truyền thống ngày càng bị thương mại hóa, thiếu vắng sự sáng tạo văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Các tác phẩm văn hóa, văn học truyền thống, các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian ngày càng bị mai một.

Theo: ThS. Phan Văn Sinh - trường Chính trị Kon Tum

Thông tin 2. Kon Tum không nằm ngoài những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập là sự phân hóa giàu – nghèo; việc quy hoạch các công, nông, lâm trường, làn sóng di cư ồ ạt... đã làm cho không gian văn hóa bị tác động, xáo trộn, xung đột, diện tích rừng bị thu hẹp. Sự lệ thuộc vào công nghệ tiếp thu văn hóa không có chọn lọc cũng là một tác nhân khiến môi trường văn hóa dân gian càng có nguy cơ mai một. Ngoài ra, lối sống di cư, hoặc di chuyển đến nơi định cư mới để nhường chỗ cho các dự án công trình thủy điện cũng gây ra nhiều hệ lụy và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, văn hóa của các dân tộc. Môi trường, không gian cư trú, tập quán lao động sản xuất thay đổi nên nhiều đặc trưng văn hóa bị ảnh hưởng, một bộ phận người dân có lối sống thực dụng, chạy theo lợi ích cá nhân, bất chấp đạo lý, dễ nảy sinh tham nhũng, tội phạm, bạo lực, suy thoái về đạo đức, lối sống.

Theo: ThS. Phan Văn Sinh - trường Chính trị Kon Tum

Thông tin 3. Những năm gần đây, cùng với sự gia tăng dân số, phát triển của kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mức sống của người dân trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao, lượng nước thải, chất thải theo đó liên tục tăng cao. Thành phần các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt là TSS, BOD5, COD, Nitơ và Photpho, ngoài ra còn có các thành phần vô cơ, vi sinh vật và vi trùng gây bệnh. Tốc độ phát sinh lượng rác thải sinh hoạt cũng gia tăng nhanh về thành phần và số lượng, rác thải phát sinh từ các hoạt động sinh

hoạt hàng ngày của người dân là nguồn gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường đất, nước mặt, nước ngầm, không khí và cảnh quan khu vực ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống văn hóa, xã hội.

Trích: Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016 – 2020

- *Hãy cho biết những biến đổi tiêu cực về văn hoá, xã hội do tác động của phát triển kinh tế và cho biết những nguyên nhân dẫn đến những biến đổi đó.*

- *Hãy kể thêm một số biến đổi tiêu cực về văn hoá, xã hội do sự tác động của phát triển kinh tế tại địa phương nơi em đang sinh sống.*

2. Một số biện pháp giải quyết vấn đề tiêu cực trong quan hệ phát triển kinh tế với biến đổi văn hoá, xã hội ở Kon Tum

Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi

Thông tin 1. Hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả chính sách, đúng pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; tiếp tục đầu tư, kêu gọi đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư; đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời nâng cao chất lượng xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ. Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, gắn với quản lý và khai thác có hiệu quả, tiềm năng, lợi thế để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, khám phá, du lịch văn hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; tăng cường quảng bá, xây dựng Khu du lịch sinh thái Quốc gia Măng Đen thành khu du lịch tầm cỡ quốc gia và khu vực.

Trích theo: Dương Đức Nhuận (Báo Kon Tum)

Thông tin 2. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đoàn kết một lòng, tiếp tục phát huy truyền thống của Đảng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thử thách, chủ động, sáng tạo, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Với quyết tâm cao nhất là “Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; năng động, sáng tạo; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; giữ vững quốc phòng, an ninh; huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đưa tỉnh Kon Tum phát triển nhanh và bền vững”.

Trích theo: Dương Đức Nhuận (Báo Kon Tum)

Thông tin 3. Tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát huy các tuyến, điểm du lịch. Thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững; triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ cho các đối tượng thuộc diện chính sách, “đền ơn đáp nghĩa”.

Trích theo: Dương Đức Nhuận (Báo Kon Tum)

- *Hãy cho biết tỉnh ta đã áp dụng những biện pháp nào để giải quyết các vấn đề tiêu cực trong quan hệ phát triển kinh tế với biến đổi văn hoá, xã hội.*

- *Hãy cho biết những biện pháp khác được áp dụng hiệu quả ở địa phương em nhằm giải quyết các vấn đề tiêu cực trong quan hệ phát triển kinh tế với biến đổi văn hoá, xã hội.*

3. Giới thiệu hoạt động văn hóa có ý nghĩa góp phần phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương

***Gợi ý một số hình thức giới thiệu quảng bá về 01 hoạt động văn hóa**
Cách 1: Thực hiện theo nhóm

- Bước 1: Thành lập nhóm; bầu nhóm trưởng, thư kí.
- Bước 2: Lựa chọn 01 hoạt động văn hóa có ý nghĩa phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

- Bước 3: Lựa chọn hình thức quảng bá.

- Bước 4: Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Bước 5: Xác định thời gian và địa điểm khảo sát ở địa phương.

- Bước 6: Thu thập và xử lí tài liệu

+ Qua sách, báo, mạng internet, các cơ quan quản lý ở địa phương.

+ Khảo sát, tìm hiểu thực tế ở địa phương.

+ Tìm hiểu qua người dân địa phương.

+ Phân tích, so sánh, tổng hợp các kết quả thu thập được.

- Bước 7: Chuẩn bị nội dung đề cương quảng bá theo các gợi ý.

+ Tên hoạt động văn hóa.

+ Đặc điểm nổi bật của hoạt động văn hóa.

+ Hoạt động văn hóa có ý nghĩa phát triển kinh tế, xã hội như thế nào ở địa phương.

- Bước 8: Tổ chức giới thiệu, quảng bá theo hình thức đã lựa chọn.

Cách 2: Thực hiện theo cá nhân

- Bước 1: Lựa chọn 01 hoạt động văn hóa có ý nghĩa phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương để quảng bá.

- Bước 2: Lựa chọn hình thức quảng bá.

- Bước 3: Xác định thời gian và địa điểm khảo sát ở địa phương.

- Bước 4: Thu thập và xử lí tài liệu.

+ Qua sách, báo, mạng internet, các cơ quan quản lý ở địa phương.

+ Khảo sát, tìm hiểu thực tế ở địa phương.

+ Tìm hiểu qua người dân địa phương.

+ Phân tích, so sánh, tổng hợp các kết quả thu thập được.

- Bước 5: Chuẩn bị nội dung đề cương quảng bá theo các gợi ý.

+ Tên hoạt động văn hóa.

+ Đặc điểm nổi bật của hoạt động văn hóa.

+ Hoạt động văn hóa có ý nghĩa phát triển kinh tế, xã hội như thế nào ở địa phương.

- Bước 6: Tổ chức quảng bá theo hình thức đã lựa chọn.

***Gợi ý tiêu chí đánh giá**

1. Cấu trúc: Cấu trúc báo cáo rõ ràng, logic, thể hiện đầy đủ các nội dung.

2. Nội dung: Thông tin phản ánh đầy đủ và chính xác, có ví dụ minh họa và minh chứng kèm theo.

3. Trình bày kết quả dự án trước lớp: diễn đạt lưu loát, thuyết phục



LUYỆN TẬP

Câu 1. Em đồng tình hoặc không đồng tình với nội dung nào sau đây? Tại sao?

- a. Phát triển du lịch văn hóa gắn với du lịch tâm linh để phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể góp phần phát triển kinh tế.
- b. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.
- c. Tình trạng bói toán, mê tín dị đoan cần gìn giữ và phát triển để góp phần làm phong phú, đa dạng văn hóa.
- d. Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa Cồng chiêng phục vụ mục đích phát triển kinh tế.
- e. Văn hóa địa phương là động lực quan trọng để phát triển kinh tế.
- g. Lễ hội cần phải tổ chức dài ngày với quy mô lớn mới khẳng định được tính chất độc đáo của nền văn hóa.

Câu 2. Hãy xử lý tình huống sau

Sau giờ hoạt động hướng nghiệp địa phương An hỏi Toàn:

-An: Tại sao tỉnh ta phải làm một lúc nhiều việc vậy cho vất vả nhỉ?

-Toàn: Việc gì?

-An: Thì lúc nãy thầy nói đó. Chúng ta phải vừa phát triển kinh tế vừa bảo vệ môi trường vừa gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Tại sao tỉnh ta còn nghèo không tập trung mọi nguồn lực vào để phát triển kinh tế? Sau này giàu rồi thì bảo vệ môi trường và gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc.

-Toàn:...

Nếu là Toàn em sẽ giải thích như thế nào với bạn mình?

Câu 3. Trước sự hội nhập mạnh mẽ với thế giới, em sẽ làm gì để vừa giữ gìn bản sắc văn hóa vừa phát triển kinh tế của địa phương?



VẬN DỤNG

Viết một đoạn văn trình bày quan điểm của bản thân về nhận định: Sự phát triển kinh tế gắn liền với biến đổi văn hóa, xã hội ở Kon Tum là quá trình “Hoà nhập nhưng không hoà tan”.

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được những nét chính về tiềm năng, thế mạnh và những thách thức của tỉnh Quảng Ngãi trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Nêu được những thành tựu nổi bật trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi.
- Xác định được những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi.
- Có thái độ trân trọng những thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Việt Nam đã và đang từng bước hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, uy tín và vị thế của Việt Nam ngày càng tăng trên trường quốc tế. Hoà nhịp với sự phát triển chung của đất nước, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được những kết quả đáng ghi nhận trên nhiều mặt kinh tế – xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá. Hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư – thương mại – du lịch, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, sức cạnh tranh của doanh nghiệp được nâng cao, thị trường được mở rộng, xuất khẩu tăng trưởng trong điều kiện nền kinh tế đang chịu nhiều tác động bất lợi từ tình hình thế giới.



Hình 4.1. Quang cảnh Hội nghị quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh Quảng Ngãi đến các đối tác quốc tế



Vì sao trong những năm qua tỉnh Quảng Ngãi phải chủ động hội nhập kinh tế quốc tế?



1. Tiềm năng, thế mạnh và thách thức của tỉnh Quảng Ngãi trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

Tỉnh Quảng Ngãi có vị trí chiến lược trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Cơ sở hạ tầng của tỉnh tương đối phát triển với hệ thống đường bộ, đường thủy, đường sắt và hệ thống 7 cảng biển, cùng với những ưu thế về địa hình của vùng ven biển huyện Bình Sơn, cảng nước sâu Dung Quất và huyện đảo Lý Sơn; nền kinh tế phát triển năng động; nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư; có các trường đại học, trường cao đẳng, trường dạy nghề đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ có chất lượng; tiềm năng du lịch phong phú và đội ngũ lãnh đạo có trình độ, nhiệt tình, tâm huyết với sự phát triển của tỉnh.

Năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 168/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045; Quyết định số 1456/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đặc biệt, trong định hướng phát triển của Trung ương đối với khu vực vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định hai trọng tâm phát triển đó là: “Mở rộng và xây dựng trung tâm lọc, hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất” và “Trung tâm du lịch biển đảo tại Lý Sơn”.



Hình 4.2. Một góc thành phố Quảng Ngãi

Bên cạnh những tiềm năng và thế mạnh cơ bản nêu trên, trong lộ trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, Quảng Ngãi cũng đối mặt trực tiếp với những khó khăn, thách thức, như: tình hình lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao, sức ép cạnh tranh đối với sản phẩm, doanh nghiệp của địa phương; mở cửa thị trường nhưng năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh chưa được nâng lên một cách tương xứng, môi trường đầu tư đạt hiệu quả chưa cao, việc nắm bắt các thông tin về thị trường thế giới, về luật pháp quốc tế, môi trường đầu tư kinh doanh tại nước ngoài của các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Một số cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh còn thiếu kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp chưa cao, chưa đáp ứng kịp yêu cầu trong tình hình mới. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô sản xuất vừa và nhỏ, nguồn lực tài chính còn yếu, chưa đầu tư mạnh mẽ về công nghệ – thiết bị, chưa sản xuất, chế biến sâu để tạo thành sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

Em có biết?

Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xác định: “Chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, các loại thị trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đổi mới hình thức, biện pháp xúc tiến, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài, đẩy mạnh thực hiện chương trình nông nghiệp, nông dân và nông thôn; nâng cao năng lực cạnh tranh và đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, nâng cao kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản. Rà soát các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn quốc tế; thực hiện công khai, minh bạch các chính sách, cơ chế quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư hoạt động tại tỉnh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, loại bỏ các thủ tục, giấy tờ không cần thiết, không đúng quy định, nhất là trong các lĩnh vực như đất đai, xây dựng, lao động, đầu tư, xuất nhập khẩu...”. (Trích Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế)



Trình bày những tiềm năng, thế mạnh và khó khăn, thách thức của tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Những thành tựu nổi bật về hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi

a) Xúc tiến, thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư

Trong thời gian qua, việc thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi tập trung vào các dự án về một số lĩnh vực như: công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp nặng, hoá dầu, hoá chất, sản xuất kim loại và gia công thép, các ngành công nghiệp công nghệ cao; các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường; đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, khu du lịch, đô thị – nghỉ dưỡng,...

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư tập trung đến những quốc gia và vùng lãnh thổ có lợi thế công nghiệp phù hợp so với lợi thế của Khu Kinh tế Dung Quất và đang có nguồn vốn đầu tư mạnh vào Việt Nam như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hoa Kỳ và các đối tác là thành viên của Hiệp định Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA),... cho các dự án công nghiệp nặng, công nghiệp lọc hoá dầu, năng lượng sạch, công nghiệp nhẹ và công nghiệp phụ trợ,... Tranh thủ huy động các nguồn lực và đề xuất ưu tiên đầu tư công đối với các công trình kết cấu hạ tầng công nghiệp có tính trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tính đồng bộ, kết nối với Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cảng biển,...



Hình 4.3. Quang cảnh Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Ngãi

Từ năm 2013 đến năm 2023, Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi đã thu hút 215 dự án, với tổng số vốn đăng ký đầu tư 299.172 tỉ đồng (tương đương 12,776 tỉ USD), trong đó có 52 dự án FDI, vốn đăng ký đầu tư 1,504 tỉ USD và 163 dự án trong nước, với vốn đăng ký 264.700 tỉ đồng (tương đương 11,272 tỉ USD).

Đối với việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi đã có sự cải thiện tích cực, được thể hiện qua chỉ số PCI Quảng Ngãi giai đoạn 2013 – 2022; trong đó năm 2022, đạt mức điểm cao nhất với tổng điểm là 65,18; tuy nhiên, thứ hạng PCI Quảng Ngãi trong giai đoạn này không ổn định mà có sự tăng giảm giữa các năm.

b) Xúc tiến thương mại

Để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, chính quyền tỉnh thường xuyên thông tin đến các doanh nghiệp về thị trường, kết nối đầu tư, thương mại; đăng kí tham dự các hội chợ, triển lãm quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm uy tín; tổ chức đoàn cùng doanh nghiệp tham gia xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, thúc đẩy xuất khẩu tại Hoa Kỳ, tham gia Hội chợ Thương mại ASEAN – Trung Quốc, Hội chợ sản phẩm SPOGA tại Cộng hoà Liên bang Đức; tham gia Đoàn giao dịch thương mại tại Thụy Điển – Na Uy; Đoàn xúc tiến thương mại, đầu tư và hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam với Khu vực lãnh sự và tỉnh Fukuoka, Nhật Bản; tổ chức các hoạt động giới thiệu kết nối, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, đặc sản đặc trưng vùng miền OCOP, sản phẩm có thể mạnh của tỉnh Quảng Ngãi vào các siêu thị, chuỗi phân phối trong và ngoài tỉnh, hệ thống phân phối lớn trên cả nước, trên các nền tảng số, thương mại điện tử.



*Hình 4.4. Thiết bị khử mặn của Doosan Vina
(Khu Kinh tế Dung Quất) xuất khẩu sang Vương quốc Bahrain*

Hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tăng trưởng xuất khẩu vượt mục tiêu đề ra, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá giai đoạn 2013 – 2023, đạt 11.266 triệu USD, tăng trưởng bình quân đạt 17,2%/năm. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá giai đoạn 2013 – 2023 đạt 16.252 triệu USD, tăng trưởng bình quân đạt 12,3%/năm. Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có trên 50 doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng, đã có hàng hóa xuất khẩu đến với trên 40 quốc gia, trong đó chủ yếu tập trung tại các nước và khu vực: Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, EU,... Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được chuyển dịch theo chiều hướng tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến. Thị trường xuất khẩu đa dạng, không lệ thuộc một thị trường, một đối tác.

c) Xúc tiến, vận động viện trợ nước ngoài

Các sở, ban ngành, địa phương của tỉnh đã xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) đạt giá trị cao, góp phần đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, hỗ trợ cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, nhất là người dân ở các vùng sâu, vùng xa, cải thiện đáng kể thu nhập sinh kế và hỗ trợ hiệu quả các đối tượng hưởng lợi gồm người nghèo, người già, khuyết tật, trẻ em, phụ nữ, nạn nhân chất độc da cam. Trong 10 năm (2013 – 2023), các tổ chức PCPNN cam kết viện trợ đạt trên 720,8 tỉ đồng với gần 500 chương trình, dự án, phi dự án của trên 75 tổ chức PCPNN, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế, các hiệp hội từ thiện, doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức nước ngoài thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo trợ trẻ em.

Trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án viện trợ PCPNN, chính quyền tỉnh luôn phối hợp chặt chẽ và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN và quản lý tốt hoạt động của các tổ chức PCPNN. Tỉnh định kỳ tổ chức gặp mặt các tổ chức PCPNN để qua đó tiếp tục tăng cường vận động, xúc tiến nguồn viện trợ PCPNN, đồng thời kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các chương trình, dự án tại tỉnh.

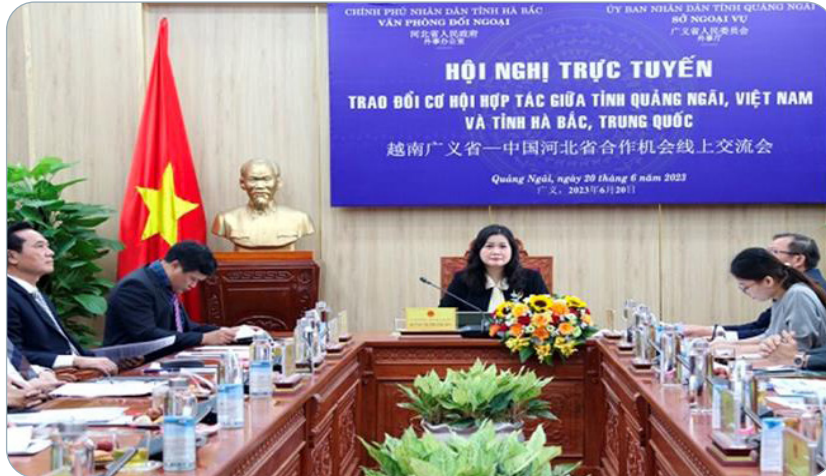
d) Quan hệ đối ngoại, hợp tác với đối tác nước ngoài

Tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực, chủ động tìm kiếm và xúc tiến thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước, trong đó đã thiết lập quan hệ hữu nghị hợp tác với tỉnh Champasak (CHDCND Lào) và triển khai nhiều hoạt động mở rộng quan hệ đối ngoại và hợp tác với các tỉnh Nam Lào, như: Attapeu, Sekong, Savannakhet, Khăm Muộn,... thực hiện kí kết biên bản ghi nhớ về việc hợp tác và củng cố quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa hai nước, tranh thủ tình cảm và sự ủng hộ của các địa phương nước bạn. Các sở, ban ngành địa phương của tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động hợp tác hữu nghị tại tỉnh Champasak và các tỉnh Nam Lào.

Các cơ quan, đơn vị của tỉnh tăng cường trao đổi thông tin và hợp tác kinh tế, thương mại giữa các địa phương của Trung Quốc. Sở Ngoại vụ đã tổ chức Hội nghị trực tuyến trao đổi cơ hội hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi (Việt Nam) và tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc).

Về tiếp xúc, làm việc với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước, từ năm 2013 đến giữa năm 2023, các đoàn vào – đoàn ra tập trung chủ yếu ở các nước có mối quan hệ hợp tác hữu nghị và kinh tế, đầu tư, thương mại với Việt Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng như: Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Lào, Thái Lan,... Mục đích chính của các đoàn vào là thăm đối ngoại, tìm hiểu cơ hội đầu tư,

hợp tác kinh doanh và triển khai các dự án tại tỉnh. Tỉnh cũng đón nhiều đoàn vào từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức nước ngoài tham gia các dự án nhân đạo, từ thiện, triển khai các hoạt động dự án do đối tác, cá nhân nước ngoài, tổ chức NGO tài trợ, qua đó, góp phần đẩy mạnh an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống cho một bộ phận cộng đồng dân cư trong tỉnh.



Hình 4.6. Hội nghị trực tuyến trao đổi cơ hội hợp tác giữa tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Hà Bắc (Trung Quốc)

Hàng năm, Sở Tư pháp phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi thực hiện 1 số chuyên đề về hỗ trợ pháp lí cho doanh nghiệp, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và xây dựng chuyên mục “Giải đáp pháp luật” trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp nhằm giúp cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và xử lí tốt các tình huống gặp phải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ngoài ra, các sở, ban, ngành còn hỗ trợ, giải đáp những khó khăn, vướng mắc của hơn 60 lượt doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua các hình thức như: phúc đáp bằng văn bản, trả lời qua điện thoại, email hoặc xem xét giải quyết trực tiếp khi doanh nghiệp đến liên hệ tại cơ quan.



Hình 4.7. Quang cảnh lớp tập huấn hội nhập kinh tế quốc tế cho công chức, viên chức đến từ các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố và đại diện các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh



Trình bày những thành tựu nổi bật trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua.

3. Những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến

Để thực hiện thắng lợi chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế, đưa công tác này đi vào chiều sâu, trong thời gian đến, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế, giới thiệu các Hiệp định, các cam kết của Chính phủ Việt Nam đến các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh biết để có nhận thức đầy đủ hơn nhằm thực hiện có hiệu quả hơn trong từng lĩnh vực.

Hai là, tăng cường công tác ngoại giao, đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, môi trường đầu tư, kinh doanh thông qua các kênh: đoàn vào, đoàn ra, hội nghị, hội thảo quốc tế, báo chí nước ngoài và sóng phát thanh truyền hình; thiết lập kênh thông tin với các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài.

Ba là, hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, đổi mới công nghệ, cải tiến kĩ thuật, chuyển dần sang sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, tạo ra giá trị gia tăng tạo dựng thương hiệu vững chắc để xuất khẩu trực tiếp, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Bốn là, phát triển đồng bộ giữa các ngành kinh tế với các vùng kinh tế, gắn kết hài hoà giữa phát triển đô thị với nông thôn. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, bền vững gắn với phát triển nông thôn toàn diện, xây dựng nông thôn mới; hình thành những vùng sản xuất hàng hoá gắn với việc quản lí quá trình tăng trưởng, quản lí chất lượng và cung cấp thông tin thị trường cho người sản xuất.

Năm là, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực để đội ngũ lao động, không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tỉnh mà còn tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế; cùng với đó, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế của địa phương ngang tầm nhiệm vụ mới.



Hãy nêu những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến.



LUYỆN TẬP

Lập bảng thống kê các thành tựu chính về hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi trong 10 năm (2013 – 2023) theo mẫu sau:

Lĩnh vực	Thành tựu
Xúc tiến, thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư	
Xúc tiến thương mại	
Xúc tiến, vận động viện trợ nước ngoài	
Quan hệ đối ngoại, hợp tác với đối tác nước ngoài	



VẬN DỤNG

Sưu tầm tài liệu từ báo chí, internet, ... viết một bài (khoảng 300 chữ) về một thành tựu tiêu biểu trong công tác hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Quảng Ngãi những năm gần đây.